

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/DS-PT

Ngày 19 - 3 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan

Các Thẩm phán:

Bà Trần Thị Túc

Bà Huỳnh Thị Hồng Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Bà Nguyễn Thị Kim Yến – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 19 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2024, về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 30/2024/QĐ-PT ngày 05 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Tấn D - sinh năm 1954; cư trú tại tổ dân phố D, phường N, T, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị L - sinh năm 1969; cư trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Chí H – sinh năm 1958; cư trú tại tổ dân phố A, phường P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi (theo văn bản ủy quyền ngày 18/9/2023).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm C - sinh năm 1967; cư trú tại thôn H, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bà Huỳnh Thị Đ - sinh năm 1961; cư trú tại thôn K, xã P, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị L là bị đơn.

(Ông Trần Tấn D có đơn xin xét xử vắng mặt; bà Trần Thị L, ông Phạm C và bà Huỳnh Thị Đ có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/12/2022, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là ông Trần Tấn D do ông Nguyễn Tấn H1 là người đại diện theo ủy quyền trình bày:* Do bà con nên ông Trần Tấn D có cho bà Trần Thị L mượn tiền nhiều lần, cụ thể: Ngày 17/7/2018, mượn 8.000.000 đồng; ngày 18/8/2018, mượn 20.000.000 đồng; ngày 03/9/2018, mượn 30.000.000 đồng và ngày 18/9/2018, mượn 7.000.000 đồng; tổng cộng là 65.000.000 đồng; khi vay, bà L có viết nợ, hai bên không thỏa thuận mức lãi suất, mục đích vay để làm kinh tế, chăn nuôi heo, hai bên thỏa thuận bằng lời nói đến tháng 10/2018, bà L bán heo sẽ trả đủ tiền cho ông D.

Tháng 10/2018, bà L bán heo nhưng không chịu trả tiền cho ông D. Ông D đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, nhưng bà L hứa mà không trả tiền cho ông D.

Bà Huỳnh Thị Đ là chỗ quen biết nên ông D đã giới thiệu bà Đ đến nhà bà L để mua heo; việc mua heo giữa hai bên như thế nào thì ông D không biết; bà Đ mua heo của bà L bao nhiêu lần thì ông D cũng không biết; ông D không nhờ bà Đ giữ tiền mua heo của bà L để đưa cho ông D; việc bà Đ nói đã trả cho ông D hai lần tiền thì bà Đ phải có giấy tờ chứng minh. Trường hợp bà L khó khăn thì ông D cho bà L 20.000.000 đồng, còn 45.000.000 đồng bà L phải trả ngay cho ông. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông D yêu cầu bà L phải trả 65.000.000 đồng theo như đơn khởi kiện. Ông D chỉ yêu cầu cá nhân bà L trả nợ.

** Tại bản tự khai ngày 10/3/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là bà Trần Thị L trình bày:*

Bà và ông Trần Tấn D có quan hệ bà con; ông D là chú ruột của bà. Năm 2018, do cần tiền để mua cám nuôi heo nên bà có vay của ông D nhiều lần với số tiền 65.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mức lãi suất 4%/tháng; khi vay, bà có viết giấy nợ bằng tờ lịch; hàng tháng, bà trả lãi đầy đủ cho ông D và trong năm 2018, bà đã trả cho ông D toàn bộ tiền vay, kể cả tiền lãi; việc trả nợ thông qua bà Huỳnh Thị Đ theo đề nghị của ông D; bà Đ là người chuyên mua, mổ heo và là bạn làm ăn với ông D; do ông D giới thiệu bà Đ đến nhà bà mua heo, khi heo lớn; bà đã bán cho bà Đ hai đợt: Đợt một 13 con, đợt hai 12 con với tổng số tiền hơn 68.000.000 đồng; bà Đ không trả tiền mua heo cho bà mà đưa trực tiếp cho ông D để trừ nợ cho bà; sau khi bà Đ đưa tiền mua heo cho ông D, ông D có thông báo bằng lời nói với bà là bà đã trả xong nợ; lúc đó, bà có nói với ông D xé bỏ giấy nợ; ông D đồng ý nên bà nghĩ ông D đã bỏ giấy nợ. Ngoài ra, bà còn bán vịt trả riêng hai khoản nợ 7.000.000 đồng và 8.000.000 đồng.

Nay, ông D khởi kiện yêu cầu bà trả tiền cho ông D thì bà không thống nhất vì bà đã trả hết nợ cho ông D.

** Tại bản tự khai ngày 19/5/2023 và tại phiên tòa sơ thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phạm C trình bày:*

Năm 2018, bà Trần Thị L vay tiền của ông Trần Tấn D; việc vay mượn giữa hai bên, ông không biết. Lúc đó, vợ chồng ông chưa ly hôn; ông không biết ông D cho bà L vay để làm gì nhưng ông biết bà L bán vịt, heo để trả tiền cho ông D. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 07/9/2023, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Đ trình bày:*

Bà có quen biết với ông Trần Tấn D. Năm 2018, ông D giới thiệu bà Trần Thị L để bà liên hệ mua heo. Ông D bảo bà giữ tiền mua heo của bà L để đưa cho ông D. Bà có đến nhà bà L mua heo hai lần: Lần thứ nhất mua 13 con, thành tiền 37.450.000 đồng; lần thứ hai mua 12 con, thành tiền 31.900.000 đồng. Tiền mua heo, bà đưa cho ông D để trừ nợ của bà L. Do bà L không biết đi xe máy nên nhờ bà đưa tiền cho ông D. Do tin tưởng nên khi đưa tiền, bà không yêu cầu ông D viết giấy nhận tiền.

** Bản án số 44/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ đã xử:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn D, buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Trần Tấn D 65.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 19/9 và ngày 02/10/2023, bà Trần Thị L có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Sửa bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D buộc bà phải trả cho ông D 65.000.000 đồng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định tại Điều 285, 286, 290, 292 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với các đương sự đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đơn kháng cáo của bị đơn đảm bảo về thời hạn, chủ thể và nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bà L, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 44/2023/DS-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 12/9/2023, Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử vụ án nêu trên. Ngày 19/9 và ngày 02/10/2023, bị đơn là bà Trần Thị L có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo bổ sung là còn trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, được chấp nhận xem xét, giải quyết.

[2] Nguyên đơn là ông Trần Tấn D có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bà Trần Thị L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà Trần Thị L thừa nhận vào năm 2018, bà có vay tiền của ông Trần Tấn D nhiều lần với tổng số tiền 65.000.000 đồng; khi vay, bà có viết giấy nợ trong các tờ lịch, nhưng bà L cho rằng trong năm 2018, bà đã trả cho ông D toàn bộ số tiền vay thông qua bà Huỳnh Thị Đ theo đề nghị của ông D; bà Đ là người chuyên mua heo, mổ heo và là bạn làm ăn với ông D, do ông D giới thiệu đến nhà bà mua heo; bà đã bán cho bà Đ hai đợt, tổng cộng là 25 con với tổng số tiền hơn 68.000.000 đồng; bà Đ không đưa tiền cho bà mà trực tiếp đưa cho ông D để trừ số tiền bà đang nợ ông D 65.000.000 đồng.

[3.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Huỳnh Thị Đ cũng thừa nhận qua sự giới thiệu của ông Trần Tấn D, bà đến nhà bà Trần Thị L để mua heo, tổng cộng là 25 con với tổng số tiền 69.350.000 đồng; bà đã đưa toàn bộ số tiền mua heo của bà L cho ông D theo đề nghị của ông D, được bà L đồng ý để ông D trừ nợ cho bà L. Tuy nhiên, bà L và bà Đ không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của các bà là có căn cứ và không được ông D thừa nhận, nên không có căn cứ xác định đã chuyển giao nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 370 Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.3] Bà L còn cho rằng số tiền 7.000.000 đồng mà bà viết giấy nợ vào ngày 18/9 (không thể hiện năm, nhưng tại phiên tòa phúc thẩm, bà L xác định của năm 2018) là tiền lãi của 03 khoản vay vào ngày 17/7, ngày 24/7 và ngày 18/8/2018, tổng cộng là 58.000.000 đồng, với mức lãi suất 4%/tháng nhưng bà L không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Mặt khác, bà L thừa nhận các giấy nợ (viết trong tờ lịch) do ông D cung cấp cho Tòa án là chữ viết của bà; theo các giấy nợ thì tổng số tiền bà L vay của ông D là 65.000.000 đồng.

[3.4] Tại Tòa án cấp phúc thẩm, bà L cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh bà đã trả xong số tiền 65.000.000 đồng cho ông D. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã buộc bà L phải trả nợ cho ông D là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà L; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.5] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà L và ông C đều thừa nhận tại thời điểm bà L vay tiền của ông D thì bà L và ông C đang là vợ chồng, nhưng bà L đồng ý trường hợp Hội đồng xét xử có căn cứ buộc bà trả nợ thì bà sẽ có trách nhiệm trả nợ cho ông D, không yêu cầu ông C phải cùng với bà trả nợ cho ông D là phù hợp với yêu cầu của ông D; ông C đồng ý với trình bày của bà L. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ buộc bà L trả nợ cho ông D là có căn cứ.

[3.6] Tại phiên tòa, bà L đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để thu thập nội dung cuộc gọi của ông D từ số điện thoại 0974.762.259 đến số điện thoại của bà L là 0367.450.724 tại thời điểm tháng 02/2019, trong đó có nội dung ông D thừa nhận bà Đ đã giao tiền cho ông D để trả nợ cho bà L. Tuy nhiên, việc trích xuất dữ liệu điện tử chỉ trích xuất được nhật ký cuộc gọi, không trích xuất được nội dung cuộc gọi, nên yêu cầu tạm ngừng phiên tòa của bà L là không cần thiết, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về án phí:

[4.1] Ông Trần Tấn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Bà Trần Thị L phải chịu 3.250.000 đồng (65.000.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0001172 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Trần Thị L còn phải nộp 3.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị L, giữ nguyên bản án số 44/2023/DS-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Tấn D, buộc bà Trần Thị L phải trả cho ông Trần Tấn D số tiền 65.000.000 đồng (*sáu mươi lăm triệu đồng*).

2. Về án phí:

2.1. Ông Trần Tấn D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Bà Trần Thị L phải chịu 3.250.000 đồng (*ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) theo Biên lai số 0001172 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Bà Trần Thị L còn phải nộp 3.250.000 đồng (*ba triệu, hai trăm năm mươi ngàn*) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- TAND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trịnh Thị Thu Lan